

DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
ĐÃ HOÀN THÀNH BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ, ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH THEO TIÊU CHUẨN TRONG NƯỚC  
*(Dữ liệu cập nhật đến ngày 29/02/2024)*

A. SỐ LIỆU TỔNG HỢP

I. Thông tin chung

1	Số chương trình đào tạo đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá	1.577
2	Số chương trình đào tạo được đánh giá ngoài	1.303
3	Số chương trình đào tạo đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng	1.162

II. Số lượng các chương trình đào tạo được đánh giá và công nhận bởi các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước

TT	Tên tổ chức KĐCLGD	CTĐT	
		Đánh giá	Công nhận
1	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU-CEA)	419	386
2	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (VNU-HCM CEA)	179	142
3	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C)	184	169
4	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng (CEA-UD)	76	66
5	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh (VU-CEA)	221	203
6	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long (CEA-THANGLONG)	95	84
7	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn (CEA-SAIGON)	129	112
	Tổng	1.303	1.162

## B. DANH SÁCH CHI TIẾT

### 1. Chương trình đào tạo (CTĐT) các trình độ của giáo dục đại học (GDDH)

STT	Tên cơ sở giáo dục	STT	Tên chương trình đào tạo	Thời gian hoàn thành báo cáo TĐG	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
1	Trường Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội	1.	Khai thác vận tải	2016	01/2017 (VNU-CEA)	Đạt 86% (23/3/2017)	Cập nhật 30/3/2017
		2.	Kinh tế vận tải	2016	01/2017 (VNU-CEA)	Đạt 88% (23/3/2017)	Cập nhật 30/3/2017
		3.	Kinh tế xây dựng	2016	01/2017 (VNU-CEA)	Đạt 86% (23/3/2017)	Cập nhật 30/3/2017
		4.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	2016	01/2017 (VNU-CEA)	Đạt 86% (23/3/2017)	Cập nhật 30/3/2017
		5.	Kỹ thuật xây dựng (Chương trình tiên tiến chuyên sâu xây dựng công trình giao thông)	2016	01/2017 (VNU-CEA)	Đạt 88% (23/3/2017)	Cập nhật 30/3/2017
		6.	Công nghệ kỹ thuật giao thông	2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (26/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		7.	Công nghệ thông tin	2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (26/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		8.	Kỹ thuật điện	2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (26/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		9.	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (26/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		10.	Kỹ thuật nhiệt	2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (26/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		11.	Kỹ thuật xây dựng	2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (26/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		12.	Quản trị kinh doanh	2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (26/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
2	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học	13.	Tâm lý học	2016	3/2017 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (30/9/2017)	Cập nhật 30/9/2017
		14.	Việt Nam học	2016	3/2017 (VNU-HCM CEA)	Đạt 82% (30/9/2017)	Cập nhật 30/9/2017

Quốc gia Hà Nội	15.	Quốc tế học	2018	4/2018 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (15/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
	16.	Lưu trữ học	2019	01/2020 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
	17.	Đô thị học	2021			Cập nhật 30/12/2021
	18.	Ngôn ngữ Nga	2021			Cập nhật 30/12/2021
	19.	Báo chí	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
	20.	Quan hệ công chúng	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
	21.	Khoa học quản lý	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
	22.	Tôn giáo học	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
	23.	Việt Nam học	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
	24.	Quản trị khách sạn	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
	25.	Quản trị văn phòng	9/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
	26.	Đông phương học	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 96% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
	27.	Ngôn ngữ học	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 96% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
	28.	Triết học	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 96% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
	29.	Văn học	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 96% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023

		30.	Quản lý thông tin	9/2023	01/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		31.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	9/2023	01/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		32.	Thông tin thư viện	9/2023	01/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/01/2024
3	Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội	33.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán (trình độ thạc sĩ)	8/2017	10/2017 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/01/2018)	Cập nhật 31/01/2018
		34.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn ngữ văn (trình độ thạc sĩ)	7/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		35.	Sư phạm Toán học	7/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		36.	Sư phạm Ngữ văn	7/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (14/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		37.	Sư phạm Hoá học	01/2021	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		38.	Sư phạm Lịch sử	01/2021	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		39.	Sư phạm Sinh học	01/2021	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		40.	Sư phạm Vật lý	01/2021	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		41.	Quản lý giáo dục (Trình độ thạc sĩ)		12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		42.	Đo lường và đánh giá trong giáo dục (Trình độ thạc sĩ)		12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/01/2024

		43.	Quản lý giáo dục (Trình độ thạc sĩ)		12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/01/2024
4	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	44.	Tài chính - Ngân hàng	9/2017	12/2017 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (02/7/2018)	Cập nhật 31/7/2018
		45.	Kế toán	10/2017	01/2018 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (02/7/2018)	Cập nhật 31/7/2018
		46.	Kinh tế	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		47.	Kinh tế phát triển	2020	10/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (07/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		48.	Kinh tế quốc tế	2022	4/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (29/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		49.	Quản trị kinh doanh	2022	4/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (29/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		50.	Tài chính - Ngân hàng	9/2023	11/2023 VNU-HCM CEA		Cập nhật 30/11/2023
		51.	Kế toán	9/2023	11/2023 VNU-HCM CEA		Cập nhật 30/11/2023
5	Trường Đại học Vinh	52.	Kỹ sư kỹ thuật xây dựng	11/2018	12/2018 (VNU-CEA)	Đạt 92% (04/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		53.	Ngôn ngữ Anh	11/2018	12/2018 (VNU-CEA)	Đạt 90% (04/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		54.	Quản trị kinh doanh	11/2018	12/2018 (VNU-CEA)	Đạt 92% (04/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		55.	Sư phạm Hóa	10/2019	10/2020 (CEA-UD)	Đạt 94% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		56.	Giáo dục Tiểu học	10/2019	10/2020 (CEA-UD)	Đạt 96% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		57.	Luật Kinh tế	9/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (21/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		58.	Giáo dục Mầm non	9/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (21/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021

		59.	Kế toán	9/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (21/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		60.	Quản lý giáo dục (thạc sĩ)	02/2024	Quản lý giáo dục, Quản trị kĩ Khoa học cây trồng và Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật		Cập nhật 29/02//2024
		61.	Quản trị kinh doanh (thạc sĩ)	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		62.	Kỹ thuật xây dựng (thạc sĩ)	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		63.	Khoa học cây trồng (thạc sĩ)	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		64.	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật (thạc sĩ)	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		65.	Sư phạm Ngữ văn	12/2020	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 98% (22/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022
		66.	Sư phạm Địa lý	12/2020	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 96% (22/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022
		67.	Công nghệ Thực phẩm	12/2020	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 94% (22/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022
		68.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	12/2020	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 94% (22/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022
		69.	Sư phạm Tiếng Anh	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		70.	Sư phạm Lịch sử	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		71.	Giáo dục thể chất	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		72.	Tài chính - Ngân hàng	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		73.	Kinh tế Xây dựng	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 96% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		74.	Kĩ sư Kỹ thuật Xây dựng Công trình giao thông	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 96% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023

		75.	Quản lý giáo dục	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		76.	Kĩ sư Nuôi trồng thủy sản	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 96% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		77.	Luật	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		78.	Kĩ sư Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		79.	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		80.	Quản lý tài nguyên và môi trường	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		81.	Công tác xã hội	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		82.	Sư phạm Vật lý	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		83.	Giáo dục Quốc phòng-An ninh	6/2023			Cập nhật 30/6/2023
		84.	Quản lý giáo dục	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		85.	Quản trị kinh doanh	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		86.	Kỹ thuật xây dựng	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		87.	Khoa học cây trồng	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		88.	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
6	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	89.	Sư phạm Hóa học (Chương trình chất lượng cao)	4/2018	5/2018 (VNU-CEA)	Đạt 84% (04/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		90.	Giáo dục Tiểu học	4/2018	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 80% (04/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		91.	Sư phạm Tin học	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		92.	Sư phạm Sinh học	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021

		93.	Sư phạm Tiếng Anh	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		94.	Giáo dục Mầm non	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		95.	Giáo dục Đặc biệt	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		96.	Công tác xã hội	02/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		97.	Việt Nam học	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		98.	Tâm lý học giáo dục	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		99.	Sư phạm Vật lý	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		100.	Sư phạm Toán học	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		101.	Sư phạm Ngữ văn	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		102.	Sư phạm Lịch sử	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		103.	Sư phạm Địa lý	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		104.	Giáo dục thể chất	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		105.	Giáo dục công dân	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
7	Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	106.	Điều dưỡng	12/2018	01/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (01/4/2019)	Cập nhật 30/4/2019
		107.	Hộ sinh	3/2022	6/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (18/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		108.	Điều dưỡng (trình độ thạc sĩ)	10/2022	8/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (02/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
8	Trường Đại học Sài Gòn	109.	Giáo dục tiểu học	9/2018	12/2018 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (12/8/2019)	Cập nhật 31/8/2019



		110.	Sư phạm tiếng Anh	9/2018	03/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 80% (12/8/2019)	Cập nhật 31/8/2019
		111.	Sư phạm Lịch sử	9/2018	03/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (12/8/2019)	Cập nhật 31/8/2019
		112.	Toán - ứng dụng	9/2019	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		113.	Quản trị kinh doanh	9/2019	6/2020 (VNU-HCM CEA)	Đạt 84% (14/12/2020)	Cập nhật 31/01/2021
		114.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	9/2019	6/2020 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (14/12/2020)	Cập nhật 31/01/2021
		115.	Công nghệ thông tin	9/2019	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		116.	Khoa học máy tính (trình độ thạc sĩ)	9/2019	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		117.	Luật	10/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		118.	Tài chính - Ngân hàng	10/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		119.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	10/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 80% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		120.	Quản lý Giáo dục	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		121.	Sư phạm Ngữ văn	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		122.	Sư phạm Địa lý	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		123.	Sư phạm Vật lý	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		124.	Kế toán	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		125.	Giáo dục Mầm non	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023

		126.	Sư phạm Sinh học	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		127.	Toán Giải tích (trình độ thạc sĩ)	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		128.	Quản lý Giáo dục (trình độ thạc sĩ)	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		129.	Lịch sử Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		130.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán (trình độ thạc sĩ)	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		131.	Hóa hữu cơ (trình độ thạc sĩ)	9/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (03/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		132.	Ngôn ngữ học (trình độ thạc sĩ)	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		133.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		134.	Việt Nam học	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		135.	Quốc tế học	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		136.	Ngôn ngữ Anh	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		137.	Giáo dục Chính trị	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		138.	Sư phạm Mỹ thuật	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		139.	Sư phạm Âm nhạc	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		140.	Tâm lý học	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		141.	Thông tin - Thư viện	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		142.	Quản trị văn phòng	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		143.	Công nghệ kỹ thuật môi trường	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023

		144.	Kinh doanh quốc tế	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		145.	Kỹ thuật phần mềm	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		146.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		147.	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		148.	Kỹ thuật điện	9/2023	12/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		149.	Công nghệ thông tin	02/2024			Cập nhật 29/02/2024
9	Trường Đại học Công thương TP. Hồ Chí Minh	150.	Công nghệ sinh học	9/2018	3/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 82% (15/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		151.	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	9/2018	3/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (15/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		152.	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	9/2018	3/2019 (VNU-HCM CEA) 10/2019 (VNU-HCM CEA) - ĐGL	Đạt 80% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		153.	Công nghệ thông tin	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 80% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		154.	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 84% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		155.	Kế toán	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		156.	Quản trị kinh doanh	2019	11/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		157.	Công nghệ chế biến thủy sản	5/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022

		158.	Tài chính - Ngân hàng	5/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		159.	Công nghệ chế tạo máy	5/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		160.	Kỹ thuật môi trường (trình độ thạc sĩ)	4/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		161.	Công nghệ thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	4/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		162.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	4/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		163.	Ngôn ngữ Anh	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		164.	Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		165.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		166.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		167.	Công nghệ dệt, may	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		168.	Quản lý tài nguyên và môi trường	6/2022	7/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (06/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		169.	Công nghệ sinh học (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (30/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		170.	Tài chính - ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (30/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		171.	Kỹ thuật cơ khí (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (30/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		172.	Kỹ thuật hóa học (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (30/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		173.	An toàn thông tin	4/2023	5/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		174.	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	4/2023	5/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		175.	Khoa học chế biến món ăn	4/2023	5/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023

		176.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.	4/2023	5/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
10	Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế	177.	Điều dưỡng	12/2018	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		178.	Y tế công cộng	12/2018	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		179.	Dược học	12/2018	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
11	Trường Đại học Đồng Tháp	180.	Sư phạm Hóa học	02/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		181.	Sư phạm Toán học	02/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		182.	Giáo dục tiểu học	02/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		183.	Sư phạm Tiếng Anh	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		184.	Giáo dục Chính trị	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		185.	Sư phạm Ngữ văn	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		186.	Quản trị kinh doanh	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		187.	Giáo dục thể chất	8/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		188.	Khoa học môi trường	8/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		189.	Ngôn ngữ Anh	8/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		190.	Giáo dục Mầm non	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		191.	Khoa học máy tính	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		192.	Sư phạm Địa lý	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022

		193.	Sư phạm Lịch sử	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		194.	Sư phạm Vật lý	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		195.	Việt Nam học	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		196.	Giáo dục Mầm non (CTĐT CĐ)	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		197.	Kế toán	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		198.	Nông học	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		199.	Sư phạm Âm nhạc	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		200.	Sư phạm Mỹ thuật	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		201.	Sư phạm Sinh học	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		202.	Sư phạm Tin học	4/2023	6/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
12	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	203.	Sư phạm Ngữ văn	01/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 94% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		204.	Sư phạm Lịch sử	01/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 94% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		205.	Giáo dục mầm non	01/2019	4/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		206.	Sư phạm Sinh học	01/2019	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		207.	Sư phạm Toán	01/2019	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		208.	Sư phạm Hóa học	01/2019	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		209.	Sư phạm Vật lý	01/2019	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 92% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		210.	Giáo dục chính trị	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023

		211.	Giáo dục Thể chất	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		212.	Giáo dục Tiểu học	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		213.	Sư phạm Địa lý	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		214.	Sư phạm tiếng Anh	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		215.	Sư phạm Tâm lý	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		216.	Sư phạm Tin học	8/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		217.	Hóa vô cơ (trình độ thạc sĩ)	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		218.	Di truyền học (trình độ thạc sĩ)	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		219.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		220.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý (trình độ thạc sĩ)	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (10/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
13	Trường Đại học Thủy lợi	221.	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	11/2018	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		222.	Quản lý xây dựng	11/2018	5/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		223.	Kế toán	11/2018	5/2018 (VNU-CEA)	Đạt 88% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		224.	Kinh tế	12/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		225.	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	12/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		226.	Kỹ thuật xây dựng	12/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		227.	Quản trị kinh doanh	12/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		228.	Kỹ thuật Môi trường	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 90% (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021

		229.	Kỹ thuật Xây dựng công trình giao thông	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		230.	Kỹ thuật Tài nguyên nước	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		231.	Kỹ thuật Cơ khí	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 90% (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		232.	Công nghệ thông tin	4/2021	5/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (09/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
14	Trường Quốc tế- Đại học Quốc gia Hà Nội	233.	Kinh doanh quốc tế	10/2018	5/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (07/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		234.	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	4/2021	7/2022 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/7/2022
		235.	Hệ thống thông tin	12/2023	01/2024 (VU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		236.	Tin học và Kỹ thuật máy tính	12/2023	01/2024 (VU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
15	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	237.	Quản trị khách sạn	3/2019	5/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (07/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		238.	Công nghệ kỹ thuật Điện- Điện tử	3/2019	5/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (07/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		239.	Dược học	9/2019	12/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (18/5/2020)	Cập nhật 31/5/2020
		240.	Quản trị Nhà hàng và dịch vụ ăn uống	10/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 94% (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		241.	Kỹ thuật Xây dựng	10/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		242.	Luật Kinh tế	10/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 92% (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022



		243.	Ngôn ngữ Trung Quốc	10/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		244.	Kiến trúc	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (14/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		245.	Công nghệ thông tin (trình độ thạc sĩ)	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		246.	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	10/2021	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (27/01/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		247.	Việt Nam học	10/2021	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (27/01/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		248.	Điều dưỡng	3/2022	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (27/01/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		249.	Quản trị nhân lực	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		250.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ )	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		251.	Tài chính ngân hàng (trình độ thạc sĩ )	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		252.	Du lịch (trình độ thạc sĩ)	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		253.	Đông phương học	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		254.	Quản lý tài nguyên và môi trường	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		255.	Thiết kế nội thất	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023

		256.	Thanh nhạc	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		257.	Y học dự phòng	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		258.	Dược học	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		259.	Quản trị khách sạn	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		260.	Công nghệ thông tin	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		261.	Quản trị kinh doanh	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		262.	Tài chính – Ngân hàng	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		263.	Du lịch	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		264.	Marketing	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		265.	Vật lý y khoa	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		266.	Truyền thông đa phương tiện	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		267.	Ngôn ngữ Anh	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		268.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	02/2024			Cập nhật 29/02//2024

		269.	Tâm lý học	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		270.	Thiết kế đồ họa	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		271.	Công nghệ kỹ thuật hóa học	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		272.	Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
16	Trường Đại học Nam Cần Thơ	273.	Quản trị kinh doanh	4/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		274.	Dược học	4/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 84% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		275.	Luật Kinh tế	4/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		276.	Kỹ thuật xây dựng	4/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 82% (12/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		277.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		278.	Công nghệ thông tin	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		279.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		280.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		281.	Công nghệ thực phẩm	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (05/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		282.	Luật	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (05/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		283.	Kỹ thuật hình ảnh y học	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (05/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		284.	Xét nghiệm y học	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (05/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023

		285.	Ngôn ngữ Anh	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		286.	Dược học	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		287.	Quản trị kinh doanh	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		288.	Quan hệ công chúng	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		289.	Kỹ thuật xây dựng	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		290.	Quản trị khách sạn	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		291.	Luật kinh tế	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		292.	Luật kinh tế (CTĐT thạc sĩ)	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
17	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	293.	Kế toán	5/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		294.	Quản trị kinh doanh	5/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		295.	Kỹ thuật địa chất	5/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		296.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	5/2019	7/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		297.	Công nghệ thông tin	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		298.	Kỹ thuật Dầu khí	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		299.	Kỹ thuật Mỏ	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		300.	Kỹ thuật Môi trường	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		301.	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		302.	Kỹ thuật Tuyển khoáng	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020

		303.	Kỹ thuật Xây dựng	7/2020	9/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		304.	Kỹ thuật điện	3/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (17/3/2023)	Cập nhật 31/3/2022
		305.	Kỹ thuật cơ khí	3/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (17/3/2023)	Cập nhật 31/3/2022
		306.	Quản lý đất đai	3/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (17/3/2023)	Cập nhật 31/3/2022
18	Trường Đại học Y Dược - ĐH Quốc gia Hà Nội	307.	Dược học	01/2019	7/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (14/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		308.	Y khoa	02/2020	5/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 82% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		309.	Kỹ thuật Hình ảnh Y Học (chuẩn trình độ đại học)	12/2023			Cập nhật 31/12/2023
		310.	Kỹ thuật Xét nghiệm Y Học (chuẩn trình độ đại học)	12/2023			Cập nhật 31/12/2023
		311.	Răng Hàm Mặt (chất lượng cao trình độ đại học)	12/2023			Cập nhật 31/12/2023
		312.	Ngành Mắt (chuẩn trình độ thạc sỹ)	12/2023			Cập nhật 31/12/2023
		313.	Ngành Nhi khoa (chuẩn trình độ thạc sỹ)	12/2023			Cập nhật 31/12/2023
		314.	Ngành Răng Hàm Mặt (chuẩn trình độ thạc sỹ)	12/2023			Cập nhật 31/12/2023
19	Trường Đại học Tài chính - Marketing	315.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sỹ)	02/2019	7/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		316.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sỹ)	02/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		317.	Quản trị Marketing (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	02/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019

		318.	Quản trị kinh doanh tổng hợp (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	02/2019	8/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		319.	Ngân hàng (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	02/2019	7/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		320.	Tài chính - Ngân hàng	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		321.	Marketing	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		322.	Quản trị kinh doanh	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		323.	Kinh doanh Quốc tế	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		324.	Bất động sản	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		325.	Ngôn ngữ Anh	01/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		326.	Hệ thống thông tin quản lý	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		327.	Kế toán	01/2021	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		328.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	01/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		329.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	01/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		330.	Quản trị khách sạn	01/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		331.	Kế toán (CTĐT chất lượng cao)	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		332.	Kinh doanh quốc tế (CTĐT chất lượng cao);	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		333.	Tài chính - Ngân hàng (CTĐT chất lượng cao);	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		334.	Kinh doanh quốc tế (Chương trình Tiếng Anh toàn phần chất lượng cao)	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023

		335.	Marketing (Chương trình Tiếng Anh toàn phần chất lượng cao)	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		336.	Quản trị kinh doanh (Chương trình Tiếng Anh toàn phần chất lượng cao)	5/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
20	Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên	337.	Bác sỹ chuyên khoa I	7/2019	8/2019 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/8/2019
		338.	Y học Dự phòng (trình độ thạc sĩ)	7/2019	8/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		339.	Bác sỹ Răng Hàm Mặt	7/2019	8/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
21	Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai	340.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6/2019	9/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		341.	Công nghệ thực phẩm	6/2019	9/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		342.	Công nghệ thông tin	7/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		343.	Kế toán	7/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 86% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		344.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 86% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		345.	Công nghệ Chế tạo máy	10/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (11/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		346.	Ngôn ngữ Anh	10/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (11/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		347.	Tài chính - Ngân hàng	10/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		348.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	6/2022	8/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		349.	Quản trị kinh doanh	6/2022	8/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		350.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6/2022	8/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
22	Trường Đại học Hà Nội	351.	Công nghệ thông tin	6/2019	9/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020

		352.	Ngôn ngữ Nhật	6/2019	9/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		353.	Ngôn ngữ Trung Quốc	6/2019	9/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		354.	Ngôn ngữ Anh	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		355.	Ngôn ngữ Đức	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		356.	Ngôn ngữ Pháp	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		357.	Quản trị kinh doanh	10/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (17/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		358.	Tài chính - Ngân hàng	10/2020	12/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (17/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		359.	Kế toán	10/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 86% (04/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		360.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	10/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 86% (04/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		361.	Ngôn ngữ Italia	10/2023	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		362.	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	10/2023	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		363.	Ngôn ngữ Bồ Đào Nha	10/2023	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		364.	Ngôn ngữ Nga	10/2023	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
23	Trường Đại học Nha Trang	365.	Công nghệ chế biến thủy sản	02/2019	9/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		366.	Kỹ thuật tàu thủy	02/2019	9/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		367.	Công nghệ sinh học	02/2021	01/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (16/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022



		368.	Nuôi trồng thủy sản	02/2021	01/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (16/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		369.	Công nghệ thông tin	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		370.	Kế toán	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		371.	Quản trị khách sạn	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		372.	Quản trị kinh doanh	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		373.	Quản lý thủy sản	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		374.	Công nghệ thực phẩm	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		375.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
24	Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	376.	Kế toán	7/2019	9/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		377.	Công nghệ Thông tin	7/2019	9/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (16/12/2019)	Cập nhật 31/12/2019
		378.	Kỹ thuật điện	10/2019	11/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 82% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		379.	Quản trị kinh doanh	10/2019	11/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 82% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		380.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		381.	Kỹ thuật cơ khí	8/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 94% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		382.	Luật kinh tế	8/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		383.	Kỹ thuật xây dựng	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021

		384.	Thiết kế thời trang	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		385.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	10/2020	3/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		386.	Công nghệ sinh học	10/2020	3/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		387.	Tài chính - Ngân hàng	10/2020	3/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		388.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	10/2020	12/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		389.	Dược học	4/2021			Cập nhật 30/4/2021
		390.	Ngôn ngữ Nhật	4/2021			Cập nhật 30/4/2021
		391.	Tâm lý học	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		392.	Marketing	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		393.	Kiến trúc	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		394.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		395.	Công nghệ Thông tin (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		396.	Kỹ thuật điện (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		397.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		398.	An toàn thông tin	4/2023	8/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 100% (18/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		399.	Quản trị khách sạn	4/2023	8/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 98% (18/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		400.	Thiết kế đồ họa	4/2023	8/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 92% (18/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		401.	Thú y	4/2023	8/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 100% (18/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023

25	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. Hồ Chí Minh	402.	Tài chính - Ngân hàng	10/2019	12/2019 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (27/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		403.	Quản trị kinh doanh	3/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		404.	Ngôn ngữ Anh	3/2020	10/2020 (VU-CEA)	Đạt 88% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		405.	Luật kinh tế	12/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		406.	Kế toán	12/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		407.	Marketing	12/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		408.	Công nghệ thông tin	12/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		409.	Kinh doanh quốc tế	10/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 92% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		410.	Quan hệ công chúng	10/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 94% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		411.	Quản trị khách sạn	10/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		412.	Quản trị nhân lực	10/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		413.	Luật quốc tế	7/2022	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (03/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		414.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7/2022	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (03/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023

		415.	Thương mại điện tử	7/2022	9/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (03/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		416.	Quan hệ Quốc tế	10/2022	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (17/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		417.	Ngôn ngữ Nhật	10/2022	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (17/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		418.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	11/2022	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (17/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
26	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	419.	Công nghệ kỹ thuật Môi trường	29/01/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 84% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		420.	Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững	29/01/2019			Cập nhật 31/01/2019
		421.	Công nghệ Thông tin	29/01/2019	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		422.	Khí tượng Thủy văn học	29/01/2019	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		423.	Kế toán	29/01/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 80% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		424.	Kỹ thuật địa chất	29/01/2019			Cập nhật 31/01/2019
		425.	Quản lý đất đai	29/01/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 82% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		426.	Quản lý biển	29/01/2019			Cập nhật 31/01/2019
		427.	Quản lý tài nguyên và môi trường	01/2021	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 90% (05/4/2021)	Cập nhật 31/01/2021
		428.	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	01/2021	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (05/4/2021)	Cập nhật 31/01/2021
		429.	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	01/2021	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (05/4/2021)	Cập nhật 31/01/2021
		430.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	01/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022

		431.	Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		432.	Khí tượng và khí hậu học	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		433.	Kỹ thuật địa chất	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		434.	Quản lý biển	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		435.	Quản lý tài nguyên nước	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		436.	Quản trị kinh doanh	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		437.	Khoa học môi trường (trình độ thạc sĩ)	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
27	Trường Đại học Thủ Dầu Một	438.	Sư phạm Ngữ văn	28/8/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		439.	Sư phạm Lịch sử	28/8/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		440.	Giáo dục Tiểu học	28/8/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		441.	Giáo dục Mầm non	28/8/2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		442.	Giáo dục học	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		443.	Quản lý Tài nguyên - Môi trường	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 92% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		444.	Luật	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 86% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		445.	Ngôn ngữ Anh	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 90% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		446.	Công tác xã hội	10/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		447.	Kiến trúc	10/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021

		448.	Kỹ thuật xây dựng	10/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		449.	Quản lý nhà nước	5/2021	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		450.	Quản lý công nghiệp	5/2021	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		451.	Ngôn ngữ Trung Quốc	5/2021	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		452.	Quản lý đất đai	5/2021	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		453.	Ngôn ngữ Anh (trình độ thạc sĩ)	11/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		454.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	11/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		455.	Công tác xã hội (trình độ thạc sĩ)	11/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		456.	Quản lý giáo dục (trình độ thạc sĩ)	11/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		457.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	11/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (01/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		458.	Hệ thống thông tin	8/2022			Cập nhật 31/8/2022
		459.	Khoa học môi trường	8/2022			Cập nhật 31/8/2022
		460.	Kế toán	8/2022			Cập nhật 31/8/2022
28	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	461.	Kế toán	9/2019	10/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (06/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		462.	Quản trị kinh doanh	9/2019	10/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (06/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		463.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	9/2019	10/2019 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (06/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		464.	Tài chính - Ngân hàng	11/2019	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020

		465.	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	11/2019	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		466.	Công nghệ Thực phẩm	11/2019	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 96% (24/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		467.	Công nghệ Dệt, may	03/2020	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 94% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		468.	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	03/2020	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 94% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		469.	Công nghệ thông tin	03/2020	01/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 94% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		470.	Kinh doanh thương mại	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		471.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		472.	Ngôn ngữ Anh	6/2023	9/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (02/01/2024)	Cập nhật 02/01/2024
		473.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	6/2023	9/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (02/01/2024)	Cập nhật 02/01/2024
		474.	Công nghệ Kỹ thuật cơ điện tử	6/2023	9/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (02/01/2024)	Cập nhật 02/01/2024
		475.	Công nghệ Sợi, dệt	6/2023	9/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (02/01/2024)	Cập nhật 02/01/2024
		476.	Công nghệ Thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	6/2023	9/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (02/01/2024)	Cập nhật 02/01/2024
29	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế	477.	Sư phạm Hóa học	9/2019	11/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (03/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		478.	Sư phạm Ngữ văn	9/2019	11/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (03/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		479.	Sư phạm Địa lý	9/2019	11/2019 (VNU-CEA)	Đạt 88% (03/4/2020)	Cập nhật 30/4/2020
		480.	Giáo dục Tiểu học	11/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 94% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		481.	Giáo dục Chính trị	11/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 92% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022

		482.	Giáo dục mầm non	11/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 94% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		483.	Sư phạm Lịch sử	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (17/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		484.	Sư phạm Sinh học	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (17/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		485.	Sư phạm Tin học	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (17/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		486.	Sư phạm Vật lý	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (17/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		487.	Tâm lý Giáo dục	8/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (17/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
30	Trường Đại học Tây Đô	488.	Quản trị Kinh doanh	10/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 82% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		489.	Kế toán tổng hợp	10/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 82% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		490.	Tài chính - Ngân hàng	10/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 84% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		491.	Dược học	10/2019	12/2019 (VNU-CEA)	Đạt 84% (23/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		492.	Luật Kinh tế	12/2020	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (05/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		493.	Quản trị Dịch vụ Du lịch Lữ hành	12/2020	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (05/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		494.	Ngôn ngữ Anh	12/2020	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (05/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		495.	Quản trị Kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	12/2020	01/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (05/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		496.	Dược lý - Dược lâm sàng (trình độ thạc sĩ)	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		497.	Điều dưỡng	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		498.	Công nghệ thông tin	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		499.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022



31	Trường Đại học Thương mại	500.	Kế toán	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		501.	Marketing	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 88% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		502.	Tài chính - Ngân hàng	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 88% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		503.	Kế toán (Chương trình chất lượng cao)	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		504.	Tài chính - Ngân hàng (Chương trình chất lượng cao)	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 90% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		505.	Kinh tế	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		506.	Luật kinh tế	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		507.	Thương mại điện tử	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		508.	Hệ thống thông tin quản lý	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		509.	Quản trị nhân lực	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		510.	Quản trị kinh doanh	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 96% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		511.	Quản trị khách sạn	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		512.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		513.	Kinh doanh quốc tế	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		514.	Kinh tế quốc tế	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 96% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		515.	Ngôn ngữ Anh	4/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		516.	Kiểm toán	12/2023	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024

		517.	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	12/2023	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
32	Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	518.	Quản lý công (trình độ thạc sĩ)	12/2019	6/2020 (VNU-CEA)	Đạt 80% 17/8/2020	Cập nhật 31/8/2020
		519.	Công nghệ thực phẩm	9/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (09/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
33	Trường Đại học Ngoại thương	520.	Kinh doanh quốc tế	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 88% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		521.	Kinh tế và phát triển quốc tế	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 88% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		522.	Phân tích và Đầu tư tài chính	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		523.	Luật Thương mại quốc tế	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		524.	Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh thương mại)	3/2021	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		525.	Ngôn ngữ Pháp (Tiếng Pháp thương mại)	3/2021	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		526.	Ngôn ngữ Nhật (Tiếng Nhật thương mại)	3/2021	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		527.	Ngôn ngữ Trung (Tiếng Trung thương mại)	3/2021	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		528.	Kinh tế đối ngoại	01/2023	02/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		529.	Ngân hàng	01/2023	02/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		530.	Tài chính quốc tế	01/2023	02/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		531.	Thương mại quốc tế	01/2023	02/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
34	Trường Đại học Hùng Vương (Phú Thọ)	532.	Công nghệ thông tin	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 80% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		533.	Kế toán	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 82% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020

		534.	Giáo dục Tiểu học	2019	01/2020 (VNU-CEA)	Đạt 80% (27/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		535.	Thạc sĩ Quản lý kinh tế	10/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		536.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	10/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 80% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		537.	Giáo dục mầm non	10/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		538.	Thú Y	10/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
35	Trường Đại học Quy Nhơn	539.	Sư phạm Toán học	2019	01/2020 (CEA-UD)	Đạt 86% (02/7/2020)	Cập nhật 31/7/2020
		540.	Sư phạm Hóa học	2019	01/2020 (CEA-UD)	Đạt 82% (02/7/2020)	Cập nhật 31/7/2020
		541.	Kỹ thuật điện	2019	01/2020 (CEA-UD)	Đạt 84% (02/7/2020)	Cập nhật 31/7/2020
		542.	Giáo dục Tiểu học	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		543.	Giáo dục Mầm non	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		544.	Kế toán	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 94% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		545.	Tài chính - Ngân hàng	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 92% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		546.	Công nghệ thông tin	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		547.	Ngôn ngữ Anh	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		548.	Quản lý Nhà nước	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 94% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		549.	Giáo dục Thể chất	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 92% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021
		550.	Công tác xã hội	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 94% (24/4/2021)	Cập nhật 30/4/2021

		551.	Vật lý chất rắn (trình độ thạc sĩ)	3/2022	9/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		552.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	3/2022	9/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		553.	Khoa học Dữ liệu (trình độ thạc sĩ)	7/2023			Cập nhật 31/7/2023
		554.	Sư phạm Ngữ văn	7/2023			Cập nhật 31/7/2023
		555.	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	7/2023			Cập nhật 31/7/2023
		556.	Quản trị khách sạn	7/2023			Cập nhật 31/7/2023
		557.	Nông học	7/2023			Cập nhật 31/7/2023
36	Trường Đại học Lâm nghiệp	558.	Quản trị kinh doanh	2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		559.	Quản lý tài nguyên rừng	2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 94% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		560.	Quản lý đất đai	2019	10/2019 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/3/2020)	Cập nhật 31/3/2020
		561.	Công nghệ sinh học	11/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		562.	Công nghệ chế biến lâm sản	11/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		563.	Kỹ thuật xây dựng	11/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		564.	Lâm sinh	11/2020	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		565.	Kế toán	8/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		566.	Thiết kế nội thất	8/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		567.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	8/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		568.	Quản lý tài nguyên rừng (trình độ thạc sĩ)	8/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023

37	Học viện Chính sách và Phát triển	569.	Kinh tế	3/2020	6/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		570.	Kinh tế Quốc tế	3/2020	6/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		571.	Quản trị kinh doanh	3/2020	6/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (08/10/2020)	Cập nhật 31/10/2020
		572.	Tài chính - Ngân hàng	02/2023	3/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		573.	Quản lý nhà nước	02/2023	3/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
38	Trường Đại học Hòa Bình	574.	Công nghệ Thông tin	7/2020	8/2020 (VU-CEA)	Đạt 82% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		575.	Tài chính - Ngân hàng	7/2020	8/2020 (VU-CEA)	Đạt 82% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		576.	Thiết kế đồ họa	7/2020	8/2020 (VU-CEA)	Đạt 84% (15/12/2020)	Cập nhật 31/12/2020
		577.	Quan hệ công chúng	5/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		578.	Kế toán	5/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		579.	Quản trị Kinh doanh	5/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		580.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ)	5/2022	11/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
39	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	581.	Kinh tế học	3/2020	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		582.	Quản trị Khách sạn	3/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (06/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		583.	Kinh doanh quốc tế	3/2020	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		584.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (06/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		585.	Marketing	3/2020	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (06/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022

		586.	Quản trị công và Chính sách bằng tiếng Anh	3/2020	4/2021 (VU-CEA)	Đạt 90% (30/8/2021)	Cập nhật 31/8/2021
		587.	Kinh tế phát triển	12/2021	3/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (17/9/2022)	Cập nhật 30/9/2022
		588.	Kinh tế đầu tư	12/2021	3/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (17/9/2022)	Cập nhật 30/9/2022
		589.	Quản trị nhân lực	12/2021	3/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (17/9/2022)	Cập nhật 30/9/2022
		590.	Kinh tế và Quản lý đô thị	12/2021	3/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (17/9/2022)	Cập nhật 30/9/2022
		591.	Hệ thống thông tin quản lý học	12/2021	3/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 82% (17/9/2022)	Cập nhật 30/9/2022
		592.	Bảo hiểm	12/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		593.	Kinh tế nông nghiệp	12/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		594.	Thống kê kinh tế	12/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		595.	Ngôn ngữ Anh	12/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		596.	Luật	12/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
40	Trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh	597.	Công nghệ thông tin	6/2020	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (19/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		598.	Quản trị logistic & Vận tải đa phương thức	6/2020	12/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (19/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		599.	Kinh tế vận tải	7/2022	11/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/3/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		600.	Kinh tế xây dựng	7/2022	11/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/3/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		601.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	7/2022	11/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/3/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		602.	Kỹ thuật xây dựng	4/2023			Cập nhật 30/4/2023

		603.	Kỹ thuật điện	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		604.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	4/2023			Cập nhật 30/4/2023
		605.	Kỹ thuật cơ khí	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
		606.	Kỹ thuật ô tô	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
41	Trường Đại học Văn Lang	607.	Kế toán	7/2020	9/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (20/11/2020)	Cập nhật 30/11/2020
		608.	Quản trị Khách sạn	7/2020	9/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (20/11/2020)	Cập nhật 30/11/2020
		609.	Ngôn ngữ Anh	7/2020	9/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (20/11/2020)	Cập nhật 30/11/2020
		610.	Kỹ thuật công trình xây dựng	11/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (15/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		611.	Tài chính - Ngân hàng	11/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (15/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		612.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	11/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (15/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		613.	Kỹ thuật Nhiệt	3/2021			Cập nhật 31/3/2021
		614.	Kinh doanh Thương mại	3/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		615.	Kiến trúc	3/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		616.	Công nghệ Sinh học	3/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		617.	Quản trị kinh doanh	3/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022

		618.	Quan hệ Công chúng	3/2021	10/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
		619.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	5/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 82% (06/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		620.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	5/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 84% (06/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		621.	Kiến trúc (trình độ thạc sĩ)	5/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 84% (06/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		622.	Quản lý xây dựng	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
		623.	Luật kinh tế	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
		624.	Đông phương học	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
		625.	Văn học	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
		626.	Tâm lý học	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
		627.	Thanh nhạc	8/2023			Cập nhật 31/8/2023
		628.	Kỹ thuật phần mềm	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
42	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	629.	Công nghệ Thông tin	8/2020	11/2020 (CEA-UD)	Đạt 86% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		630.	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	8/2020	11/2020 (CEA-UD)	Đạt 88% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		631.	Sư phạm Ngữ văn	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		632.	Giáo dục Mầm non (trình độ cao đẳng)	11/2023			Cập nhật 30/11/2023



43	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	633.	Công nghệ thông tin	7/2020	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		634.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7/2020	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		635.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7/2020	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		636.	Công nghệ kỹ thuật điện điện tử	7/2020	4/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		637.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		638.	Công nghệ chế tạo máy	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		639.	Công nghệ may	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		640.	Kế toán	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		641.	Ngôn ngữ Anh	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		642.	Quản trị kinh doanh	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
44	Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn	643.	Khoa học máy tính	8/2020	11/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		644.	Ngôn ngữ Anh	8/2020	11/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		645.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (CEA-UD)	Đạt 96% (02/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
45	Trường Đại học Cần Thơ	646.	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (trình độ thạc sĩ)	8/2020	11/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2022
		647.	Sư phạm tiếng Anh	8/2020	11/2020 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2022

		648.	Sư phạm Hóa học	10/2020	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		649.	Sư phạm Sinh học	10/2020	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		650.	Sư phạm Vật lý	10/2020	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		651.	Kỹ thuật Cơ khí	10/2020	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		652.	Sư phạm Ngữ văn	10/2020	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		653.	Luật	10/2021	8/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (03/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		654.	Văn học	12/2021	8/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (03/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		655.	Kỹ thuật xây dựng	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (23/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		656.	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (23/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		657.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (23/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		658.	Kỹ thuật vật liệu	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (23/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		659.	Triết học	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (23/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		660.	Hóa dược	9/2022	6/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (23/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		661.	Kế toán	11/2022	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		662.	Quản trị kinh doanh	11/2022	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023

		663.	Giáo dục thể chất	11/2022	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		664.	Công nghệ kỹ thuật hóa học	8/2023			Cập nhật 30/8/2023
		665.	Giáo dục công dân	8/2023			Cập nhật 30/8/2023
		666.	Kỹ thuật môi trường	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		667.	Quản lý giáo dục (trình độ thạc sĩ)	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		668.	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		669.	Kinh tế	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		670.	Tài chính-Ngân hàng	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		671.	Sư phạm Tiếng Pháp	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		672.	Thông tin - Thư viện	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		673.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		674.	Luật Kinh tế (trình độ thạc sĩ)	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
46	Trường Đại học Phan Thiết	675.	Quản trị kinh doanh	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 84% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		676.	Quản trị khách sạn	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 86% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		677.	Công nghệ thông tin	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021

		678.	Ngôn ngữ Anh	9/2020	11/2020 (VU-CEA)	Đạt 84% (26/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		679.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (31/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		680.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (31/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		681.	Tài chính - Ngân hàng	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (31/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		682.	Luật kinh tế	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 80% (31/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
47	Trường Đại học Xây dựng Miền Tây	683.	Kỹ thuật Xây dựng	9/2020	10/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (04/02/2021)	Cập nhật 28/02/2021
		684.	Kiến trúc	12/2023			Cập nhật 31/12/2023
		685.	Kỹ thuật cấp thoát nước	12/2023			Cập nhật 31/12/2023
		686.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	12/2023			Cập nhật 31/12/2023
		687.	Kế toán	12/2023			Cập nhật 31/12/2023
48	Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh	688.	Luật	9/2020	4/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (07/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		689.	Luật Thương mại quốc tế	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		690.	Quản trị - Luật	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		691.	Quản trị kinh doanh	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		692.	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành Anh văn pháp lý	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023

		693.	Luật (chất lượng cao)	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		694.	Quản trị Luật (chất lượng cao)	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		695.	Quản trị kinh doanh (chất lượng cao)	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
49	Trường Đại học Xây dựng Miền Trung	696.	Kỹ thuật xây dựng	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
50	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	697.	Điều dưỡng	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		698.	Dược học	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		699.	Răng hàm mặt	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		700.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		701.	Y học dự phòng	10/2020			Cập nhật 30/11/2020
		702.	Y học cổ truyền	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		703.	Y khoa	10/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (14/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		704.	Y tế công cộng	10/2020			Cập nhật 30/11/2020
		705.	Nội khoa (CTĐT thạc sĩ)	11/2023	02/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 29/02/2024
		706.	Ngoại khoa (CTĐT thạc sĩ)	11/2023	02/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 29/02/2024
		707.	Nhi khoa (CTĐT thạc sĩ)	11/2023	02/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 29/02/2024

		708.	Dược lý-Dược lâm sàng (CTĐT thạc sĩ)	11/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024
		709.	Răng hàm mặt (CTĐT thạc sĩ)	11/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024
		710.	Y học dự phòng (CTĐT thạc sĩ)	11/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024
		711.	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học (CTĐT thạc sĩ)	11/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024
51	Trường Đại học Văn Hiến	712.	Công nghệ thông tin	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (08/3/2021)	Cập nhật 31/3/2021
		713.	Quản trị khách sạn	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 90% (08/3/2021)	Cập nhật 31/3/2021
		714.	Đông phương học	4/2022	07/2022 (CEA-UD)	Đạt 86% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		715.	Tâm lý học	4/2022	07/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		716.	Ngôn ngữ Anh	4/2022	07/2022 (CEA-UD)	Đạt 88% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		717.	Ngôn ngữ Nhật	5/2023	9/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 30/9/2023
		718.	Ngôn ngữ Trung Quốc	5/2023	9/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 30/9/2023
		719.	Văn học (trình độ thạc sĩ)	5/2023	9/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 30/9/2023
52	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	720.	Tài chính - Ngân hàng	11/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (24/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		721.	Kiểm toán	11/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (24/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		722.	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học	11/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (24/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021

		723.	Công nghệ Thông tin	01/2021	4/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (25/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		724.	Ngôn ngữ Anh	01/2021	4/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (25/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		725.	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	8/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		726.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	8/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		727.	Công nghệ kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	8/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		728.	Ngôn ngữ Trung Quốc	8/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		729.	Quản trị kinh doanh	8/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		730.	Hệ thống thông tin	8/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		731.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	8/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		732.	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		733.	Công nghệ kỹ thuật Máy tính	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		734.	Quản trị nhân lực	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		735.	Công nghệ dệt, may	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		736.	Công nghệ kỹ thuật môi trường	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		737.	Thiết kế thời trang	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023

		738.	Kỹ thuật phần mềm	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		739.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		740.	Quản trị khách sạn	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		741.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		742.	Kế toán	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 96% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		743.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		744.	Marketing	3/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
53	Trường Đại học Hà Tĩnh	745.	Giáo dục mầm non	12/2020			Cập nhật 31/12/2020
		746.	Giáo dục chính trị	12/2020			Cập nhật 31/12/2020
		747.	Kế toán	12/2020			Cập nhật 31/12/2020
		748.	Công nghệ thông tin	12/2020			Cập nhật 31/12/2020
		749.	Ngôn ngữ Anh	12/2020			Cập nhật 31/12/2020
54	Trường Đại học Thăng Long	750.	Quản trị kinh doanh	12/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		751.	Ngôn ngữ Anh	12/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		752.	Khoa học máy tính	12/2020	3/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021



		753.	Điều dưỡng	05/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		754.	Điều dưỡng (trình độ thạc sĩ)	05/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		755.	Kế toán	6/2022	9/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (15/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		756.	Tài chính - Ngân hàng	6/2022	9/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (15/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		757.	Quản trị dịch vụ du lịch - lữ hành	6/2022	9/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (15/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		758.	Ngôn ngữ Nhật	10/2022	11/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		759.	Ngôn ngữ Trung Quốc	10/2022	11/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (06/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		760.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	01/2024	02/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 29/02/2024
		761.	Quản lý bệnh viện	01/2024	02/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 29/02/2024
		762.	Y tế công cộng	01/2024	02/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 29/02/2024
55	Trường Đại học Phenikaa	763.	Dược học	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		764.	Điều dưỡng	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		765.	Ngôn ngữ Anh	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		766.	Kế toán	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		767.	Quản trị kinh doanh	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021

		768.	Điều dưỡng (trình độ thạc sĩ)	7/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (17/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		769.	Dược lý và Dược lâm sàng (trình độ thạc sĩ)	7/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 82% (17/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		770.	Công nghệ vật liệu	7/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (17/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		771.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ);	7/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (17/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
56	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	772.	Công nghệ Thông tin	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 82% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		773.	Tâm lý học	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		774.	Công nghệ Sinh học	12/2020	01/2021 (VU-CEA)	Đạt 86% (26/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		775.	Giáo dục Chính trị	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		776.	Giáo dục Tiểu học	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		777.	Sư phạm Lịch sử	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (24/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		778.	Công tác xã hội	7/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		779.	Giáo dục Mầm non	7/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		780.	Sư phạm âm nhạc	7/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		781.	Sư phạm Địa lý	7/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		782.	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	9/2023			

		783.	Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		784.	Báo chí	10/2023	11/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
		785.	Giáo dục học tiểu học (CTĐT thạc sĩ)	10/2023	11/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
		786.	Lý luận và phương pháp giảng dạy bộ môn Vật lý (CTĐT thạc sĩ)	10/2023	11/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
		787.	Toán giải tích (CTĐT thạc sĩ)	10/2023	11/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
		788.	Địa lý	10/2023	11/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
		789.	Hóa học	10/2023	11/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
		790.	Sư phạm Sinh học	10/2023	11/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
		791.	Sư phạm Tin học	10/2023	11/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
		792.	Việt Nam học	10/2023	11/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
57	Học viện Ngoại giao	793.	Quan hệ Quốc tế	12/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		794.	Kinh tế Quốc tế	12/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		795.	Luật Quốc tế	12/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		796.	Truyền thông Quốc tế	12/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021
		797.	Ngôn ngữ Anh	12/2020	01/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (08/6/2021)	Cập nhật 30/6/2021

58	Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương	798.	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	12/2020	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		799.	Y khoa	9/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (29/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		800.	Điều dưỡng	9/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (29/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		801.	Kỹ thuật hình ảnh y học	9/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 82% (29/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		802.	Kỹ thuật phục hồi chức năng	9/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (29/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
59		803.	Giáo dục Mầm Non	01/2021	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 86% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		804.	Kế toán	01/2021	3/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (28/5/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		805.	Giáo dục Tiểu học	11/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		806.	Quản trị kinh doanh	11/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		807.	Sư phạm Tiếng Anh	3/2019	5/2018 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		808.	Giáo dục tiểu học	3/2019	5/2018 (VNU-CEA)	Đạt 84% (14/10/2019)	Cập nhật 31/10/2019
		809.	Sư phạm Toán	01/2021	3/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (13/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		810.	Sư phạm Ngữ văn	01/2021	3/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (13/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		811.	Sư phạm Lịch sử	01/2021	3/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (13/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		812.	Quản trị kinh doanh	01/2021	3/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (13/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021

60	Trường Đại học Hong Đức	813.	Sư phạm Địa lý	9/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		814.	Công nghệ thông tin	9/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		815.	Luật	9/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		816.	Kế toán	9/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		817.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	01/2022	4/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		818.	Giáo dục thể chất	01/2022	4/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		819.	Chăn nuôi	01/2022	4/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		820.	Giáo dục Mầm non	01/2022	4/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		821.	Khoa học máy tính	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		822.	Quản lý giáo dục	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		823.	Sư phạm Sinh học	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		824.	Sư phạm Vật lý	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		825.	Sư phạm Hóa học	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		826.	Tài chính - Ngân hàng	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		827.	Du lịch	12/2022	4/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023

		828.	Kỹ thuật xây dựng	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		829.	Kỹ thuật điện	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		830.	Ngôn ngữ Anh	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		831.	Lý luận và PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt (trình độ thạc sĩ)	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		832.	Toán giải tích (trình độ thạc sĩ)	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
61	Trường Đại học Sao Đỏ	833.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	01/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (10/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		834.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	01/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (10/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		835.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	01/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (10/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		836.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa.	12/2021	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (10/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		837.	Công nghệ thông tin	12/2021	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (10/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		838.	Quản trị kinh doanh	12/2021	02/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (10/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		839.	Ngôn ngữ Trung quốc	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		840.	Công nghệ dệt, may	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		841.	Kế toán	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
62	Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	842.	Xã hội học	01/2021	4/2021 (CEA-UD)	Đạt 90% (22/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022

		843.	Ngôn ngữ Trung Quốc	01/2021	4/2021 (CEA-UD)	Đạt 90% (22/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		844.	Luật Kinh tế	01/2021	4/2021 (CEA-UD)	Đạt 90% (22/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		845.	Hệ thống thông tin quản lý	01/2021	4/2021 (CEA-UD)	Đạt 90% (22/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		846.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	8/2022	12/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (15/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		847.	Công nghệ sinh học	8/2022	12/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (15/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		848.	Công tác xã hội	8/2022	12/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (15/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		849.	Đông Nam Á học	8/2022	12/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (15/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		850.	Luật	8/2022	12/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (15/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		851.	Công nghệ sinh học (trình độ thạc sĩ)	10/2022	3/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (31/7/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		852.	Khoa học máy tính (trình độ thạc sĩ)	10/2022	3/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (31/7/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		853.	Kỹ thuật xây dựng (trình độ thạc sĩ)	10/2022	3/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (31/7/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		854.	Luật kinh tế (trình độ thạc sĩ)	10/2022	3/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (31/7/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		855.	Xã hội học (trình độ thạc sĩ)	10/2022	3/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (31/7/2023)	Cập nhật 31/8/2023
63	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	856.	Ngôn ngữ Anh	02/2021	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 94% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022
		857.	Sư phạm tiếng Anh	02/2021	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 96% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8//2022

64	Học viện Hàng không Việt Nam	858.	Quản trị kinh doanh	02/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		859.	Công nghệ Kỹ thuật điện tử - viễn thông	02/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		860.	Quản lý hoạt động bay	02/2021	01/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
65	Trường Đại học Tân Trào	861.	Giáo dục Mầm non	02/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (18/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		862.	Giáo dục Tiểu học	02/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (18/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		863.	Kế toán	02/2021	7/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (18/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
66	Trường Đại học Công đoàn	864.	Quản trị kinh doanh	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		865.	Quản trị nhân lực	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		866.	Xã hội học	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		867.	Bảo hộ lao động	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		868.	Công tác xã hội	3/2021	4/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		869.	Tài chính - Ngân hàng	3/2021	4/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		870.	Kế toán	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		871.	Luật	3/2021	4/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (14/12/2021)	Cập nhật 31/12/2021
		872.	Quan hệ lao động	3/2021	10/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (12/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022



		873.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 88% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		874.	Quản trị nhân lực (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		875.	Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		876.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		877.	Xã hội học (trình độ thạc sĩ)	12/2022	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 88% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		878.	Quản trị nhân lực (trình độ tiến sĩ)	10/2023	11/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 30/11/2023
67	Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	879.	Y học cổ truyền	4/2021	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 100% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		880.	Răng Hàm Mặt	11/2021	5/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 98% (10/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
68	Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế	881.	Khoa học cây trồng	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		882.	Nuôi trồng thủy sản	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		883.	Quản lý đất đai	4/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		884.	Phát triển nông thôn	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		885.	Thú y	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		886.	Công nghiệp thực phẩm	10/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
69	Trường Đại học Y tế công cộng	887.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (17/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022

		888.	Y tế công cộng	3/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (10/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		889.	Công tác xã hội	3/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (10/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		890.	Dinh dưỡng	3/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (10/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
70	Trường Đại học Tiền Giang	891.	Công nghệ thông tin	4/2021	01/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (28/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		892.	Công nghệ thực phẩm	4/2021	01/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (28/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		893.	Kế toán	12/2021	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (10/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		894.	Quản trị Kinh doanh	12/2021	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (10/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		895.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	12/2021	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (10/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		896.	Công nghệ kỹ thuật Xây dựng	12/2021	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (10/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		897.	Giáo dục Mầm non	01/2022	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 95,34% (10/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
71	Trường Đại học Luật - Đại học Huế	898.	Luật	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		899.	Luật Kinh tế	4/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
72	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	900.	Quản lý Giáo dục	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 80% (20/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		901.	Giáo dục Tiểu học	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 82% (20/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		902.	Ngôn ngữ Trung Quốc	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 80% (20/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022

		903.	Giáo dục Mầm non	10/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		904.	Giáo dục công dân	10/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		905.	Ngôn ngữ Anh	10/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		906.	Việt Nam học	10/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		907.	Sư phạm Toán	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		908.	Sư phạm Ngữ văn	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		909.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	10/2023	12/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		910.	Quản trị khách sạn	10/2023	12/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		911.	Công nghệ thông tin	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		912.	Chính trị học	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		913.	Quản trị kinh doanh	10/2023	12/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		914.	Logistics	10/2023	12/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		915.	Quản lý chuỗi cung ứng	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
73	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	916.	Quan hệ quốc tế	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (16/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		917.	Triết học	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 84% (16/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022

		918.	Xã hội học	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (16/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		919.	Quan hệ công chúng	4/2021	10/2021 (VU-CEA)	Đạt 88% (16/01/2022)	Cập nhật 31/01/2022
		920.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		921.	Kinh tế chính trị	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		922.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		923.	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		924.	Ngôn ngữ Anh	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		925.	Quảng cáo	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		926.	Xuất bản	8/2022	10/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
74	Trường Đại học Mở Hà Nội	927.	Công nghệ Sinh học	5/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		928.	Luật kinh tế	5/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		929.	Quản trị Kinh doanh	5/2021	10/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		930.	Công nghệ thông tin	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 82% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		931.	Công nghệ thực phẩm	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		932.	Công nghệ kỹ thuật Điện tử - Viễn Thông	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023

		933.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và Tự động hoá	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		934.	Kế toán	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		935.	Thương mại điện tử	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		936.	Tài chính - Ngân hàng	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		937.	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		938.	Luật	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 82% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		939.	Luật quốc tế	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		940.	Kiến trúc	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		941.	Ngôn ngữ Trung quốc	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		942.	Ngôn ngữ Anh	4/2023	5/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
75	Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam	943.	Công nghệ thông tin	3/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		944.	Quản trị kinh doanh	3/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 82% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		945.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		946.	Kỹ thuật môi trường	3/2021	6/2021 (VNU-CEA)	Đạt 88% (10/9/2021)	Cập nhật 30/9/2021
		947.	Kỹ thuật cơ khí	10/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023

		948.	Kinh tế vận tải	10/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		949.	Kỹ thuật tàu thủy	10/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		950.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		951.	Tài chính - Ngân hàng	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		952.	Công nghệ thông tin	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		953.	Ngôn ngữ Anh	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		954.	Kỹ thuật xây dựng công trình biển	10/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
76	Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh	955.	Công nghệ thông tin	7/2021	02/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (07/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		956.	Ngôn ngữ Anh	7/2021	02/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (07/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		957.	Quản trị kinh doanh	7/2021	02/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (07/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		958.	Kế toán	11/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (17/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		959.	Kinh doanh quốc tế	11/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (17/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		960.	Luật Kinh tế	11/2022	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (17/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		961.	Đông phương học	11/2023	01/2024 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 31/01/2024
77	Trường Đại học Y Dược Thái Bình	962.	Y tế Công cộng (trình độ thạc sĩ)	7/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 80% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022

		963.	Điều dưỡng	7/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 80% (20/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		964.	Y học dự phòng (trình độ thạc sĩ)	8/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (26/6/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		965.	Dinh dưỡng (trình độ thạc sĩ)	8/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (26/6/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		966.	Y học cổ truyền	8/2022	02/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (26/6/2023)	Cập nhật 31/7/2023
78	Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh	967.	Thiết kế đồ họa	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		968.	Thiết kế công nghiệp	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 90% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		969.	Thiết kế nội thất	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 92% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		970.	Kỹ thuật xây dựng	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 92% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		971.	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	8/2021	01/2022 (CEA-UD)	Đạt 92% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		972.	Thiết kế thời trang	11/2022	7/2023 (CEA-UD)	Đạt 92% (12/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
79	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên	973.	Kế toán	9/2021	6/2022 (CEA-UD)	Đạt 92% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		974.	Kinh tế đầu tư	9/2021	6/2022 (CEA-UD)	Đạt 92% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		975.	Tài chính doanh nghiệp	9/2021	6/2022 (CEA-UD)	Đạt 94% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
80	Trường Đại học Tây Nguyên	976.	Công nghệ sinh học	9/2021	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 84% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		977.	Giáo dục tiểu học	9/2021	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 90% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022

978.	Quản trị kinh doanh	9/2021	12/2021 (CEA-UD)	Đạt 84% (16/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
	979. Sư phạm tiếng Anh	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
	980. Y khoa	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
	981. Giáo dục Thể chất	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
	982. Sư phạm Ngữ văn	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
	983. Sư phạm Vật lý	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
	984. Sư phạm Toán học	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
	985. Sư phạm Hoá học	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
	986. Lâm sinh	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
	987. Thú y	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
	988. Giáo dục Chính trị	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
	989. Điều Dưỡng	6/2022	8/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (23/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
	990. Bảo vệ thực vật	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
	991. Công nghệ thông tin	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
	992. Giáo dục mầm non	01/2024			Cập nhật 31/01/2024



		993.	Khoa học cây trồng	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		994.	Quản lý đất đai	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		995.	Sư phạm sinh học	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		996.	Tài chính ngân hàng	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		997.	Văn học	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
81	Trường Đại học Đông Á	998.	Quản trị kinh doanh	9/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		999.	Ngôn ngữ Anh	9/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1000.	Kế toán	9/2021	02/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (06/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
82	Trường Đại học Nội Vụ Hà Nội	1001.	Quản lý nhà nước	10/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (29/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1002.	Quản lý văn hóa	10/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (29/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1003.	Lưu trữ học	10/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (29/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
83	Trường Đại học Nông lâm Bắc Giang	1004.	Khoa học cây trồng	10/2021	10/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1005.	Công nghệ thực phẩm	10/2021	10/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1006.	Kế toán	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
		1007.	Thú y	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022

		1008.	Quản lý đất đai	10/2021	12/2021 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (23/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
84	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	1009.	Sư phạm Toán học	4/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1010.	Sư phạm Ngữ văn	4/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1011.	Sư phạm Tiếng Anh	4/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 84% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1012.	Giáo dục Mầm non	4/2021	11/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1013.	Giáo dục Tiểu học	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1014.	Giáo dục công dân	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1015.	Giáo dục thể chất	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1016.	Sư phạm Lịch sử	8/2022	9/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1017.	Sư phạm Hóa học	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (09/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		1018.	Sư phạm Sinh học	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (09/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		1019.	Sư phạm Vật lí	9/2022	10/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (09/01/2023)	Cập nhật 31/01/2023
		1020.	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt (CTĐT thạc sĩ)	6/2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 88% (28/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		1021.	Lý luận văn học (CTĐT thạc sĩ)	6/2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (28/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		1022.	Ngôn ngữ Việt Nam (CTĐT thạc sĩ)	6/2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (28/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023

		1023.	Văn học Việt Nam (CTĐT thạc sĩ)	6/2023	10/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (28/12/2023)	Cập nhật 31/12/2023
		1024.	Sư phạm Tin học	01/2024	02/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 29/02/2024
		1025.	Giáo dục quốc phòng - an ninh	01/2024	02/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 29/02/2024
		1026.	Công nghệ thông tin	01/2024	02/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 29/02/2024
		1027.	Ngôn ngữ Anh	01/2024	02/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 29/02/2024
		1028.	Ngôn ngữ Trung Quốc	01/2024	02/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 29/02/2024
		1029.	Việt Nam học	01/2024	02/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 29/02/2024
85	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	1030.	Y khoa	11/2021	7/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/10/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1031.	Dược sĩ	11/2021	7/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (31/10/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1032.	Y tế công cộng (trình độ thạc sĩ)	11/2021	7/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 96% (31/10/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1033.	Nội khoa (Thạc sĩ)	3/2023	11/2023 VNU-HCM CEA		Cập nhật 30/11/2023
		1034.	Ngoại khoa (Thạc sĩ)	3/2023	11/2023 VNU-HCM CEA		Cập nhật 30/11/2023
		1035.	Y học cổ truyền	3/2023	11/2023 VNU-HCM CEA		Cập nhật 30/11/2023
		1036.	Điều dưỡng	3/2023	11/2023 VNU-HCM CEA		Cập nhật 30/11/2023
		1037.	Nhi khoa	3/2023	11/2023 VNU-HCM CEA		Cập nhật 30/11/2023

		1038.	Răng hàm mặt	3/2023	11/2023 VNU-HCM CEA		Cập nhật 30/11/2023
		1039.	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	3/2023	11/2023 VNU-HCM CEA		Cập nhật 30/11/2023
86	Trường Đại học Đà Lạt	1040.	Luật	11/2021	6/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (07/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1041.	Công tác xã hội	11/2021	6/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (07/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1042.	Ngôn ngữ Anh	11/2021	6/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (07/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1043.	Đông phương học	11/2021	6/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 86% (07/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1044.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	11/2021	6/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (07/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
87	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng	1045.	Dược học	11/2021	12/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2026
		1046.	Điều dưỡng	11/2021	12/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2026
		1047.	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	11/2021	12/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2026
		1048.	Quản trị kinh doanh	11/2021	12/2021 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2026
		1049.	Tài chính - Ngân hàng	3/2022	6/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (21/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1050.	Truyền thông đa phương tiện	3/2022	6/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (21/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1051.	Ngôn ngữ Anh	3/2022	6/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (21/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1052.	Công nghệ thông tin	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (13/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023

		1053.	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (13/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		1054.	Luật kinh tế	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (13/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		1055.	Quan hệ quốc tế	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 88% (13/7/2023)	Cập nhật 31/7/2023
		1056.	Răng hàm mặt	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1057.	Luật	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1058.	Kiến trúc	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
88	Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên	1059.	Công tác xã hội	11/2021	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1060.	Khoa học quản lý	11/2021	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1061.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	11/2021	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1062.	Luật	11/2021	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (19/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
89	Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An	1063.	Kế toán	11/2021	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (28/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		1064.	Ngôn ngữ Anh	11/2021	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (28/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		1065.	Quản trị kinh doanh	11/2021	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (28/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
		1066.	Tài chính - Ngân hàng	11/2021	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (28/7/2022)	Cập nhật 31/7/2022
90	Trường Đại học Tài nguyên và Môi	1067.	Công nghệ thông tin	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022

	trường TP. Hồ Chí Minh	1068.	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		1069.	Công nghệ Kỹ thuật môi trường	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		1070.	Quản lý tài nguyên và môi trường	11/2021	01/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022
		1071.	Quản trị kinh doanh	8/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1072.	Hệ thống thông tin	8/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1073.	Quản lý đất đai	8/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1074.	Thủy văn học	10/2023	12/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		1075.	Kỹ thuật cấp thoát nước	10/2023	12/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		1076.	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	10/2023	12/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/12/2023
		1077.	Quản lý tổng hợp tài nguyên	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
91	Trường Đại học Sư phạm nghệ thuật Trung ương	1078.	Sư phạm Âm nhạc	11/2021	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (20/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1079.	Sư phạm Mỹ thuật	11/2021	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (20/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1080.	Thiết kế đồ họa	11/2021	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (20/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1081.	Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc (trình độ thạc sĩ)	11/2021	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (20/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
92	Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn	1082.	Quản trị kinh doanh	5/2020	11/2021 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (04/4/2022)	Cập nhật 30/4/2022

		1083.	Kỹ thuật xây dựng	8/2022	12/2022 (VNU-HCM CEA)	Đạt 90% (07/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1084.	Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử	02/2023	8/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 88% (20/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1085.	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	02/2023	8/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 88% (20/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1086.	Công nghệ thông tin	3/2023	10/2023 VNU-HCM CEA	Đạt 90% (11/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1087.	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1088.	Thiết kế Công nghiệp	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
93	Học viện Ngân hàng	1089.	Ngân hàng	11/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1090.	Tài chính	11/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1091.	Kế toán	11/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1092.	Quản trị doanh nghiệp	11/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1093.	Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành Ngân hàng - CTĐT chất lượng cao)	02/2023	3/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (27/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1094.	Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành Tài chính -CTĐT chất lượng cao)	02/2023	3/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (27/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1095.	Kế toán (CTĐT chất lượng cao)	02/2023	3/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (27/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1096.	Quản trị kinh doanh (CTĐT chất lượng cao)	02/2023	3/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (27/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1097.	Luật kinh tế	11/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024

		1098.	Hệ thống thông tin quản lý trong lĩnh vực tài chính - Ngân hàng	11/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024
		1099.	Kinh tế đầu tư	11/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024
		1100.	Kinh doanh quốc tế	11/2023			
		1101.	Ngôn ngữ Anh Tài chính - Ngân hàng	11/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024
94	Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	1102.	Kế toán (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1103.	Kỹ thuật Điện (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 96% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1104.	Hóa phân tích (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1105.	Kỹ thuật Điện tử (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 96% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1106.	Công nghệ Thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1107.	Kỹ thuật Xây dựng	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1108.	Quản lý Tài nguyên Môi trường	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 90% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
		1109.	Luật kinh tế	12/2021	01/2022 (VNU-CEA)	Đạt 88% (30/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
95	Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội	1110.	Luật	01/2022	7/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (20/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
96	Trường Đại học Hạ Long	1111.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (03/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1112.	Khoa học máy tính	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (03/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022



		1113.	Ngôn ngữ Anh	01/2022	3/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (03/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1114.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1115.	Quản lý tài nguyên và môi trường	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1116.	Quản trị khách sạn	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 94% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1117.	Quản lý văn hóa	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1118.	Ngôn ngữ Nhật	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 86% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1119.	Ngôn ngữ Trung Quốc	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1120.	Nuôi trồng thủy sản	12/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
97	Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng	1121.	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	01/2022	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (18/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1122.	Điều dưỡng đa khoa	01/2022			Cập nhật 31/01/2022
		1123.	Dược học	01/2022	4/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (18/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1124.	Kỹ thuật Hình ảnh y học	07/2022	11/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1125.	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	07/2022	11/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1126.	Y khoa	07/2022	11/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
98	Trường Đại học Lao động - Xã hội	1127.	Bảo hiểm	01/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022

		1128.	Quản trị nhân lực	01/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1129.	Kế toán	01/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1130.	Công tác xã hội	01/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1131.	Quản trị kinh doanh	01/2022	6/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1132.	Tâm lý học	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1133.	Kinh tế	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1134.	Luật Kinh tế	8/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1135.	Quản trị nhân lực (CTĐT thạc sĩ)	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1136.	Kế toán (CTĐT thạc sĩ)	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1137.	Công tác xã hội (CTĐT thạc sĩ)	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1138.	Quản trị kinh doanh (CTĐT thạc sĩ)	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
99	Học viện Tài chính	1139.	Kế toán	01/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (14/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1140.	Quản trị kinh doanh	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		1141.	Hệ thống thông tin quản lý	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
100		1142.	Đô thị học	01/2022	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 92% (04/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022

	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG TP. Hồ Chí Minh	1143.	Ngôn ngữ Nga	01/2022	5/2022 (VU-CEA)	Đạt 92% (04/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1144.	Lưu trữ học	9/2022	11/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 96% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1145.	Hàn Quốc	9/2022	11/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1146.	Nhân học (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1147.	Văn hoá học (trình độ thạc sĩ)	9/2022	11/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 96% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1148.	Ngôn ngữ học	3/2023	4/2023 (VU-CEA)	Đạt 90% (06/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1149.	Công tác xã hội (trình độ thạc sĩ)	3/2023			Cập nhật 31/3/2023
		1150.	Khoa học thư viện (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (VU-CEA)	Đạt 90% (06/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1151.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (06/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1152.	Báo chí	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1153.	Quan hệ quốc tế	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1154.	Triết học	6/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
101	Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	1155.	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển - Tự động hóa	02/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1156.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	02/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1157.	Hóa học	02/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022

		1158.	Công nghệ kỹ thuật hoá học	12/2022	3/2023 (VNU-CEA	Đạt 86% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2023
		1159.	Kế toán	12/2022	3/2023 (VNU-CEA	Đạt 82% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2023
		1160.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	12/2022	3/2023 (VNU-CEA	Đạt 84% (20/6/2022)	Cập nhật 30/6/2023
102	Trường Đại học Cửu Long	1161.	Công nghiệp thực phẩm	3/2022	4/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (15/7/2022)	Cập nhật 30/7/2022
		1162.	Luật kinh tế	3/2022	4/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (15/7/2022)	Cập nhật 30/7/2022
		1163.	Quản trị kinh doanh	3/2022	4/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (15/7/2022)	Cập nhật 30/7/2022
		1164.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 82% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1165.	Điều dưỡng	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 82% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1166.	Tài chính ngân hàng	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1167.	Công nghệ thông tin	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1168.	Ngôn ngữ Anh	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1169.	Tài chính ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1170.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1171.	Công nghệ thực phẩm (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1172.	Kế toán	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023

		1173.	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	3/2023	4/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (22/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
103	Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội	1174.	Diễn viên Kịch - Điện ảnh	3/2022			Cập nhật 31/3/2022
		1175.	Đạo diễn điện ảnh	3/2022			Cập nhật 31/3/2022
		1176.	Thiết kế mỹ thuật Sân khấu - Điện ảnh	3/2022			Cập nhật 31/3/2022
		1177.	Huấn luyện múa	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1178.	Nhiếp ảnh báo chí	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1179.	Diễn viên Chèo	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1180.	Đạo diễn truyền hình	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1181.	Âm thanh điện ảnh - truyền hình	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1182.	Biên đạo múa	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1183.	Diễn viên Cải lương	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1184.	Biên kịch điện ảnh	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1185.	Nhiếp ảnh truyền thông đa phương tiện	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1186.	Quay phim truyền hình	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1187.	Đạo diễn sân khấu	10/2023			Cập nhật 31/10/2023

104	Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	1188.	Công nghệ thực phẩm	11/2020	12/2020 (CEA-UD)	Đạt 92% (24/4/2021)	Cập nhật 31/5/2021
		1189.	Hệ thống thông tin	4/2022	5/2023 (CEA-UD)	Đạt 92% (02/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1190.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	4/2022	5/2023 (CEA-UD)	Đạt 92% (02/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1191.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	4/2022	5/2023 (CEA-UD)	Đạt 92% (02/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1192.	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	4/2022	5/2023 (CEA-UD)	Đạt 92% (02/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1193.	Quản lý công nghiệp	4/2022	5/2023 (CEA-UD)	Đạt 94% (02/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
105	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương	1194.	Quản trị kinh doanh	4/2022	7/2022 (VU-CEA)	Đạt 88% (28/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1195.	Kế toán	4/2022	7/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (28/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1196.	Tài chính - Ngân hàng	01/2023	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 86% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1197.	Công nghệ thông tin	01/2023	3/2023 (VU-CEA)	Đạt 86% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1198.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
		1199.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
106	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế	1200.	Tài chính – Ngân hàng	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1201.	Kế toán	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (24/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
107	Trường Đại học Điện lực	1202.	Điện tử viễn thông	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022

		1203.	Quản lý công nghiệp	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1204.	Quản trị kinh doanh	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1205.	Kế toán	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1206.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1207.	Tài chính - Ngân hàng	4/2022	5/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (26/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
		1208.	Quản lý năng lượng	01/2023	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		1209.	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	01/2023	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		1210.	Cơ khí	10/2023			
		1211.	Cơ điện tử	10/2023			
		1212.	Kiểm toán	11/2023			
		1213.	Thương mại điện tử	11/2023			
		1214.	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	11/2023			
		1215.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	11/2023	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		1216.	Công nghệ thông tin	11/2023	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		1217.	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	11/2023	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024

		1218.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	11/2023	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
108	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	1219.	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	5/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1220.	Công nghệ thông tin	5/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (06/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1221.	Kế toán	11/2022	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (28/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1222.	Quản trị kinh doanh	11/2022	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (28/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1223.	Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử	11/2022	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (28/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1224.	Marketing	11/2022	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (28/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1225.	An toàn thông tin	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1226.	Công nghệ đa phương tiện	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1227.	Truyền thông đa phương tiện	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1228.	Thương mại điện tử	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
109	Trường Đại học Hải Phòng	1229.	Công nghệ thông tin	5/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (14/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1230.	Kế toán doanh nghiệp	5/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 82% (14/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1231.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	5/2022	8/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (14/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
110	Trường Đại học Quảng Bình	1232.	Giáo dục Tiểu học	5/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 84% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023



		1233.	Công nghệ thông tin	5/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 86% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1234.	Ngôn ngữ Anh	5/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1235.	Quản trị kinh doanh	5/2022	12/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
111	Trường Đại học YERSIN Đà Lạt	1236.	Quản trị kinh doanh	6/2022	7/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (11/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1237.	Điều dưỡng	6/2022	7/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (11/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1238.	Công nghệ thông tin	6/2022	7/2022 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (11/10/2022)	Cập nhật 31/10/2022
		1239.	Công nghệ sinh học	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1240.	Quan hệ công chúng.	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1241.	Đông phương học	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1242.	Kiến trúc	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1243.	Ngôn ngữ Anh.	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1244.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1245.	Dược học.	3/2023	5/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
112	Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	1246.	Sư phạm Mỹ thuật	6/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1247.	Giáo dục Mầm non	6/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023

		1248.	Sư phạm Âm nhạc	6/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 82% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1249.	Quản lý nhà nước	6/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 80% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1250.	Quản trị khách sạn	01/2023	8/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
		1251.	Luật	01/2023	8/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
		1252.	Ngôn ngữ Anh	01/2023	8/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
		1253.	Thanh nhạc	01/2023	8/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
113	Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	1254.	Công nghệ kỹ thuật giao thông	6/2022	7/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (02/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1255.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6/2022	7/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (02/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1256.	Hệ thống thông tin	6/2022			Cập nhật 30/6/2022
		1257.	Quản trị kinh doanh	6/2022	7/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (02/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1258.	Kế toán	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1259.	Kinh tế xây dựng	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1260.	Tài chính - Ngân hàng	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1261.	Thương mại điện tử	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1262.	Khai thác vận tải	11/2023			Cập nhật 30/11/2023

		1263.	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1264.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1265.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1266.	Công nghệ kỹ thuật môi trường	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1267.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1268.	Công nghệ kỹ thuật điện tử - Viễn thông	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1269.	Công nghệ thông tin	02/2023	7/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 90% (02/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
114	Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	1270.	Kiến trúc	6/2022	10/2022 (CEA-UD)	Đạt 86% (03/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1271.	Kỹ thuật xây dựng	6/2022	10/2022 (CEA-UD)	Đạt 84% (03/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1272.	Quản trị kinh doanh	6/2022	10/2022 (CEA-UD)	Đạt 84% (03/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1273.	Thiết kế Nội thất	12/2022	7/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/7/2023
		1274.	Kế toán	12/2022	7/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/7/2023
		1275.	Tài chính ngân hàng	12/2022	7/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/7/2023
		1276.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	12/2022	7/2023 (CEA-UD)		Cập nhật 31/7/2023
		1277.	Thiết kế đồ họa	11/2023	02/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 29/02/2024

		1278.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1279.	Quản lý xây dựng	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1280.	Ngôn ngữ Anh	11/2023	02/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 29/02/2024
		1281.	Ngôn ngữ Trung Quốc	11/2023	02/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 29/02/2024
		1282.	Công nghệ thông tin	11/2023	02/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 29/02/2024
		1283.	Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử	11/2023	02/2024 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 29/02/2024
115	Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột	1284.	Y khoa	7/2022	9/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (25/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1285.	Dược học	7/2022	9/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (25/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
116	Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	1286.	Kỹ thuật Cơ Điện tử	7/2022	01/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1287.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hoá	7/2022	01/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1288.	Kỹ thuật phần mềm	7/2022	01/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 94% (14/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1289.	Quản trị kinh doanh	10/2022	01/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (14/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1290.	Điều dưỡng	10/2022	01/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 92% (14/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1291.	Kỹ thuật điện	10/2023	11/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/11/2023
		1292.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	10/2023	11/2023 (VNU-HCM CEA)		Cập nhật 30/11/2023

117	Trường Đại học Công nghệ Miền Đông	1293.	Dược học	7/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 80% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1294.	Luật kinh tế	7/2022	9/2022 (VU-CEA)	Đạt 80% (27/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
118	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	1295.	Công tác xã hội	7/2022	9/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 82% (25/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1296.	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7/2022	9/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (25/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
		1297.	Công nghệ sinh học	10/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1298.	Công nghệ thực phẩm	10/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1299.	Thú Y	10/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1300.	Kỹ thuật điện (trình độ thạc sĩ)	10/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1301.	Du lịch	5/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1302.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	5/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1303.	Công nghệ kỹ thuật Điện điện tử	5/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1304.	Kinh tế	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1305.	Luật	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
119	Trường Đại học Thành Đô	1306.	Công nghệ thông tin	8/2022	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (15/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1307.	Ngôn ngữ Anh	8/2022	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (15/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022

		1308.	Dược học	8/2022	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (15/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1309.	Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ )	8/2022	8/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1310.	Việt Nam học	6/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 82% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1311.	Quản trị kinh doanh	6/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 82% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1312.	Quản lý kinh tế	6/2023	8/2023 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/8/2023
120	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên- Đại học Quốc gia Hà Nội	1313.	Hóa học	8/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 98% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1314.	Sinh học	8/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1315.	Khoa học Môi trường	8/2022	12/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
121	Trường Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh	1316.	Quản lý văn hóa	8/2022	9/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1317.	Thông tin - Thư viện	8/2022	9/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1318.	Văn hóa học	8/2022	9/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
122	Trường Đại học Gia Định	1319.	Quản trị kinh doanh	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 80% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1320.	Tài chính – Ngân hàng	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 82% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1321.	Ngôn ngữ Anh	8/2022	10/2022 (CEA-THANGLONG)	Đạt 82% (16/02/2023)	Cập nhật 28/02/2023
		1322.	Kế toán	4/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 84% (10/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023

		1323.	Luật	4/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 84% (10/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1324.	Công nghệ thông tin	4/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (10/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1325.	Kỹ thuật phần mềm	4/2023	6/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 86% (10/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
123	Trường Đại học Kiên Giang	1326.	Kỹ thuật xây dựng	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1327.	Công nghệ thực phẩm	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1328.	Công nghệ thông tin	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1329.	Kế toán	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1330.	Ngôn ngữ Anh	8/2022	10/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (27/12/2022)	Cập nhật 31/12/2022
		1331.	Sư phạm Toán học	4/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1332.	Luật	4/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1333.	Nuôi trồng thủy sản	4/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1334.	Quản trị kinh doanh	4/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1335.	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	4/2023	8/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
124	Trường Đại học Thái Bình	1336.	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	8/2022	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (28/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1337.	Kế toán	8/2022	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (28/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023

		1338.	Kinh tế	8/2022	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (28/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1339.	Quản trị kinh doanh	8/2022	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 86% (28/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
125	Trường Đại học Bình Dương	1340.	Quản trị kinh doanh	9/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1341.	Tài chính - Ngân hàng	9/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 90% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1342.	Ngôn ngữ Anh	9/2022	12/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
126	Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên	1343.	Kỹ thuật cơ khí	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1344.	Kỹ thuật Điện	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1345.	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1346.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	9/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 84% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
127	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	1347.	Việt Nam học	10/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1348.	Sư phạm Sinh học	10/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1349.	Sư phạm Lịch sử	10/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1350.	Sư phạm Địa lý	10/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
128	Trường Đại học Đại Nam	1351.	Dược học	10/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1352.	Quản trị kinh doanh	10/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023



		1353.	Ngôn ngữ Anh	10/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 82% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1354.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.	10/2022	11/2022 (VNU-CEA)	Đạt 80% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1355.	Công nghệ thông tin	01/2024	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		1356.	Ngôn ngữ Trung Quốc	01/2024	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		1357.	Quan hệ công chúng	01/2024	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
		1358.	Tài chính – Ngân hàng	01/2024	01/2024 (VNU-CEA)		Cập nhật 31/01/2024
129	Trường Du lịch - Đại học Huế	1359.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	10/2022	3/2023 (VNU-CEA)	86% (21/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
130	Trường Đại học Khoa học-Đại học Huế	1360.	Công nghệ thông tin	11/2022	01/2023 CEA-THANGLONG	Đạt 84% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1361.	Báo chí	11/2022	01/2023 CEA-THANGLONG	Đạt 84% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
		1362.	Kiến trúc	11/2022	01/2023 CEA-THANGLONG	Đạt 86% (28/4/2023)	Cập nhật 30/4/2023
131	Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Đà Nẵng	1363.	Ngôn ngữ Hàn quốc	11/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1364.	Ngôn ngữ Nhật bản	11/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 96% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1365.	Ngôn ngữ Trung Quốc	11/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1366.	Ngôn ngữ Pháp	11/2022	12/2022 (VNU-CEA)	Đạt 94% (16/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1367.	Ngôn ngữ Nga	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023

		1368.	Sư phạm tiếng Pháp	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1369.	Sư phạm tiếng Trung Quốc	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1370.	Ngôn ngữ Anh (tiếng Anh chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1371.	Ngôn ngữ Anh (tiếng Anh thương mại chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1372.	Ngôn ngữ Trung Quốc (chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1373.	Ngôn ngữ Nhật (chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1374.	Ngôn ngữ Hàn Quốc (chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1375.	Quốc tế học (chất lượng cao)	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
132	Trường Đại học Công nghệ – Đại học Quốc gia Hà Nội	1376.	Khoa học máy tính (CTĐT chất lượng cao)	11/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (26/5/2023)	Cập nhật 31/5/2023
		1377.	Hệ thống thông tin	11/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (26/5/2023)	Cập nhật 31/5/2023
		1378.	Công nghệ kỹ thuật Điện tử Viễn thông (CTĐT chất lượng cao)	11/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (26/5/2023)	Cập nhật 31/5/2023
		1379.	Kỹ thuật Máy tính	11/2022	02/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (26/5/2023)	Cập nhật 31/5/2023
		1380.	Công nghệ Thông tin	8/2023	10/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (25/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1381.	Cơ kỹ thuật		10/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (25/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024

		1382.	Kỹ thuật Robot	8/2023	10/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (25/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1383.	Vật lý kỹ thuật	8/2023	10/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (25/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1384.	Kỹ thuật Năng lượng	8/2023	10/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (25/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1385.	Công nghệ kỹ thuật Xây dựng	8/2023	10/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (25/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1386.	Công nghệ Hàng không Vũ trụ	8/2023	10/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 94% (25/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
133	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	1387.	Ngôn ngữ Nhật	11/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1388.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	11/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1389.	Ngôn ngữ Pháp	11/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 90% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1390.	Ngôn ngữ Trung Quốc	11/2022	02/2023 (VU-CEA)	Đạt 92% (21/8/2023)	Cập nhật 31/8/2023
		1391.	Sư phạm tiếng Trung	8/2023	11/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
		1392.	Sư phạm tiếng Anh	8/2023	11/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
		1393.	Sư phạm tiếng Hàn	8/2023	11/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
		1394.	Sư phạm tiếng Nhật	8/2023	11/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
		1395.	Sư phạm tiếng Đức	8/2023	11/2023 (VU-CEA)		Cập nhật 30/11/2023
134	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	1396.	Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023

		1397.	Công nghệ thông tin	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1398.	Kế toán	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1399.	Quản trị kinh doanh	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 88% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1400.	Đông Phương học	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1401.	Ngôn ngữ Anh	12/2022	01/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (24/3/2023)	Cập nhật 31/3/2023
		1402.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	9/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024
		1403.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	9/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024
		1404.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	9/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024
		1405.	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	9/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024
		1406.	Quản trị khách sạn	9/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024
		1407.	Luật	9/2023	01/2024 (CEA-SAIGON)		Cập nhật 31/01/2024
		1408.	Đông phương học (CTĐT thạc sĩ)	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		1409.	Quản trị kinh doanh (CTĐT thạc sĩ)	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		1410.	Công nghệ thông tin (CTĐT thạc sĩ)	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		1411.	Lý luận và Phương pháp giảng dạy bộ môn tiếng Anh (CTĐT thạc sĩ)	9/2023			Cập nhật 30/9/2023

135	Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội	1412.	Quản lý công nghiệp	12/2022	6/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1413.	Công nghệ may	12/2022	6/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 92% (25/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
136	Trường Đại học Quảng Nam	1414.	Giáo dục Tiểu học	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1415.	Công nghệ thông tin	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1416.	Ngôn ngữ Anh	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1417.	Việt Nam học	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1418.	Giáo dục Mầm non	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1419.	Sư phạm Toán	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
137	Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt Anh – Đại học Đà Nẵng	1420.	Quản trị và Kinh doanh quốc tế	12/2022	4/2023 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1421.	Khoa học y sinh	12/2022	4/2023 (VU-CEA)	Đạt 86% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1422.	Khoa học và kỹ thuật Máy tính	12/2022	4/2023 (VU-CEA)	Đạt 86% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
138	Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hưng	1423.	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1424.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1425.	Công nghệ kỹ thuật Xây dựng	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1426.	Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử	12/2022			Cập nhật 31/12/2022

		1427.	Công nghệ thông tin	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1428.	Tài chính ngân hàng	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1429.	Quản trị kinh doanh	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
		1430.	Kinh tế	12/2022			Cập nhật 31/12/2022
139	Trường Đại học Khánh Hòa	1431.	Sư phạm Toán học	12/2022	3/2023 (CEA-UD)	Đạt 84% (02/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1432.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	12/2022	3/2023 (CEA-UD)	Đạt 86% (02/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
140	Trường Đại học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh	1433.	Quản trị kinh doanh	01/2023	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (23/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1434.	Tài chính - Ngân hàng	01/2023	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (23/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1435.	Công nghệ thông tin	01/2023	4/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 84% (23/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1436.	Quản lý bệnh viện	8/2023	12/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/12/2023
		1437.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8/2023	12/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/12/2023
		1438.	Kế toán	8/2023	12/2023 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/12/2023
		1439.	Ngôn ngữ Anh	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 84% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
		1440.	Ngôn ngữ Nhật	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 82% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
		1441.	Ngôn ngữ Trung Quốc	8/2023	10/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 86% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024

		1442.	Luật	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1443.	Marketing	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1444.	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
141	Trường Đại học Luật Hà Nội	1445.	Luật	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1446.	Luật (CTĐT chất lượng cao)	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1447.	Luật Kinh tế	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
		1448.	Luật Thương mại quốc tế	01/2023	3/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (06/6/2023)	Cập nhật 30/6/2023
142	Trường Đại học Thái Bình Dương	1449.	Du lịch	01/2023	4/2023 VU-CEA	Đạt 82% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1450.	Luật	01/2023	4/2023 VU-CEA	Đạt 82% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1451.	Quản trị kinh doanh	01/2023	4/2023 VU-CEA	Đạt 84% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
143	Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam	1452.	Dược sĩ	02/2023	9/2023 VU-CEA	Đạt 92% (26/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
144	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	1453.	Kiến trúc	02/2023	8/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (04/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1454.	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	02/2023	8/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (04/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1455.	Quy hoạch vùng và đô thị	02/2023	8/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (04/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024
		1456.	Kiến trúc (chương trình tiên tiến)	02/2023	8/2023 (CEA-AVU&C)	Đạt 88% (04/01/2024)	Cập nhật 31/01/2024

		1457.	Thiết kế thời trang	4/2023	11/2023 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/11/2023
		1458.	Công nghệ thông tin	4/2023	11/2023 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/11/2023
		1459.	Thiết kế đồ họa	4/2023	11/2023 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/11/2023
		1460.	Kinh tế xây dựng	4/2023	11/2023 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/11/2023
		1461.	Điêu khắc	4/2023	11/2023 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/11/2023
		1462.	Thiết kế nội thất	4/2023	11/2023 (CEA-THANGLONG)		Cập nhật 30/11/2023
145	Trường Đại học Công nghệ và Quản lý Hữu Nghị	1463.	Luật kinh tế	02/2023			Cập nhật 28/02/2023
		1464.	Quản lý kinh tế	02/2023			Cập nhật 28/02/2023
146	Trường Đại học Trà Vinh	1465.	Bác sĩ Răng Hàm Mặt	02/2023	4/2023 (VNU-HCM CEA)	Đạt 88% (17/8//2023)	Cập nhật 31/8/2023
147	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	1466.	Hệ thống thông tin quản lý	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1467.	Ngôn ngữ Anh	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1468.	Luật kinh tế	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1469.	Tài chính - Ngân hàng (CTĐT chất lượng cao)	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1470.	Kế toán (CTĐT chất lượng cao)	02/2023	7/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1471.	Quản trị kinh doanh (CTĐT chất lượng cao)	02/2023	11/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 92% (22/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023



		1472.	Luật kinh tế (CTĐT thạc sĩ)	12/2023	11/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
		1473.	Quản trị kinh doanh (CTĐT thạc sĩ)	12/2023	11/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 94% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024
148	Trường Đại học Kinh tế Nghệ An	1474.	Kế toán	02/2023	4/2023 (VU-CEA)	Đạt 84% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1475.	Quản trị kinh doanh	02/2023	4/2023 (VU-CEA)	Đạt 86% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
		1476.	Thú y	02/2023	4/2023 (VU-CEA)	Đạt 88% (30/10/2023)	Cập nhật 31/10/2023
149	Trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng	1477.	Quản lý Thể dục Thể thao	4/2023	01/2024 (CEA-UD)		Cập nhật 31/01/2024
		1478.	Huấn luyện Thể thao	4/2023	01/2024 (CEA-UD)		Cập nhật 31/01/2024
		1479.	Giáo dục Thể chất	4/2023	01/2024 (CEA-UD)		Cập nhật 31/01/2024
150	Học viện Phụ nữ Việt Nam	1480.	Luật	4/2023	7/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 90% (20/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1481.	Quản trị kinh doanh	4/2023	7/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (20/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1482.	Công tác xã hội	4/2023	7/2023 (CEA-THANGLONG)	Đạt 92% (20/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1483.	Giới và Phát triển	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1484.	Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1485.	Truyền thông Đa phương tiện	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
151	Trường Đại học Đồng Nai	1486.	Sư phạm Toán	5/2023			Cập nhật 31/5/2023

		1487.	Sư phạm Ngữ văn	5/2023			Cập nhật 31/5/2023
		1488.	Ngôn ngữ Anh	5/2023			Cập nhật 31/5/2023
		1489.	Kế toán	5/2023			Cập nhật 31/5/2023
		1490.	Quản trị kinh doanh	5/2023			Cập nhật 31/5/2023
152	Trường Đại học Kinh tế - Luật ĐHQG TP. Hồ Chí Minh	1491.	Kế toán	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1492.	Thương mại điện tử	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1493.	Toán kinh tế	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1494.	Tài chính - Ngân hàng	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1495.	Kinh doanh quốc tế	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1496.	Quản trị kinh doanh	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 94% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
		1497.	Marketing	6/2023	7/2023 (VNU-CEA)	Đạt 90% (07/9/2023)	Cập nhật 30/9/2023
153	Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, Đại học Đà Nẵng	1498.	Quản trị kinh doanh	7/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1499.	Công nghệ thông tin	7/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
		1500.	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7/2023	8/2023 (VNU-CEA)	Đạt 92% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
154	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà	1501.	Luật kinh tế	9/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 84% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023

	Năng	1502.	Quản lý nhà nước	9/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 86% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
155	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng	1503.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
		1504.	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	9/2023			Cập nhật 30/9/2023
156	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	1505.	Nuôi trồng thủy sản	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1506.	Công nghệ thông tin	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1507.	Xã hội học	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1508.	Kinh tế đầu tư	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1509.	Ngôn ngữ Anh	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1510.	Quản lý đất đai	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1511.	Nông nghiệp công nghệ cao	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1512.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1513.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
		1514.	Công nghệ và kinh doanh thực phẩm	10/2023			Cập nhật 31/10/2023
157	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	1515.	Tài chính - Ngân hàng chuyên ngành Ngân hàng	11/2023	01/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/01/2024
		1516.	Tài chính - Ngân hàng chuyên ngành Tài chính	11/2023	01/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/01/2024

		1517.	Kinh tế	11/2023	01/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/01/2024
		1518.	Dược học	11/2023	01/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/01/2024
		1519.	Công nghệ thông tin	11/2023	01/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/01/2024
		1520.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	11/2023	01/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/01/2024
		1521.	Kế toán	11/2023	01/2024 (CEA-AVU&C)		Cập nhật 31/01/2024
		1522.	Ngôn ngữ Anh	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1523.	Quản trị kinh doanh	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1524.	Luật kinh tế	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1525.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1526.	Kinh doanh quốc tế	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
158	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	1527.	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1528.	Công nghệ Chế tạo máy	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1529.	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1530.	Kỹ thuật Công nghiệp	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1531.	Kỹ nghệ Gỗ và Nội thất	11/2023			Cập nhật 30/11/2023

		1532.	Robot và Trí tuệ nhân tạo	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1533.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1534.	Công nghệ kỹ thuật Nhiệt	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1535.	Công nghệ Vật liệu	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1536.	Kiến trúc	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1537.	Kỹ thuật xây dựng Công trình giao thông	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1538.	Quản lý xây dựng	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1539.	Công nghệ kỹ thuật Công trình xây dựng	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1540.	Công nghệ kỹ thuật Môi trường	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1541.	Công nghệ Thực phẩm	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1542.	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
		1543.	Năng lượng tái tạo	11/2023			Cập nhật 30/11/2023
159	Trường Đại học Tân Tạo	1544.	Y khoa	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
160	Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội	1545.	Tài chính - Ngân hàng	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1546.	Quản trị kinh doanh	01/2024			Cập nhật 31/01/2024

		1547.	Kế toán	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1548.	Công nghệ thông tin	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
		1549.	Tài chính - Ngân hàng (trình độ thạc sĩ)	01/2024			Cập nhật 31/01/2024
161	Trường Đại học Tân Tạo	1550.	Y khoa	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
162	Trường Đại học Thành Đông	1551.	Quản lý đất đai	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		1552.	Luật kinh tế	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
163	Trường Đại học Thể dục Thể thao TP. Hồ Chí Minh	1553.	Huấn luyện thể thao	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		1554.	Quản lý thể dục thể thao	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
164	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	1555.	Y khoa	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		1556.	Dược học	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		1557.	Y tế công cộng	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		1558.	Dinh dưỡng	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		1559.	Răng hàm mặt	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		1560.	Điều dưỡng	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		1561.	Kỹ thuật xét nghiệm y học	02/2024			Cập nhật 29/02//2024

		1562.	Kỹ thuật hình ảnh y học	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		1563.	Khúc xạ nhãn khoa	02/2024			Cập nhật 29/02//2024
		1564.	Y Việt-Đức	02/2024			Cập nhật 29/02//2024

## 2. Chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ cao đẳng sư phạm (CĐSP)

STT	Tên cơ sở giáo dục	STT	Tên chương trình đào tạo	Thời gian hoàn thành báo cáo TDG	Được đánh giá ngoài	Được công nhận	Ghi chú
1	Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt	1.	Giáo dục Tiểu học	3/2020			Cập nhật 31/3/2020
2	Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum	2.	Giáo dục Mầm non	5/2021	12/2021 (VU-CEA)	Đạt 83,72% (05/5/2022)	Cập nhật 31/5/2022
3	Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk	3.	Giáo dục Mầm non	7/2021			Cập nhật 31/7/2021
4	Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị	4.	Giáo dục Mầm non	7/2021			Cập nhật 31/7/2021
5	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương	5.	Giáo dục Mầm non	11/2021	12/2021 (VNU-CEA)	Đạt 86% (26/3/2022)	Cập nhật 31/3/2022
6	Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình	6.	Giáo dục Mầm non	11/2021	3/2022 (VNU-CEA)	Đạt 81,4% (25/8/2022)	Cập nhật 31/8/2022
7	Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An	7.	Giáo dục Mầm non	01/2022			Cập nhật 31/01/2022
8	Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên	8.	Giáo dục Mầm non	01/2022			Cập nhật 31/01/2022
9	Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang	9.	Giáo dục Mầm non	8/2022			Cập nhật 31/8/2022

10	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP. Hồ Chí Minh	10.	Giáo dục Mầm non	8/2022	9/2022 (CEA-SAIGON)	Đạt 83,7% (25/11/2022)	Cập nhật 30/11/2022
11	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang	11.	Giáo dục Mầm non	11/2022			Cập nhật 30/11/2022
12	Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc	12.	Giáo dục Mầm non	6/2023	9/2023 (VNU-CEA)	Đạt 81,4% (16/11/2023)	Cập nhật 30/11/2023
13	Trường Cao đẳng Bến Tre	13.	Giáo dục Mầm non	6/2023	11/2023 (CEA-SAIGON)	Đạt 81,4% (22/02/2024)	Cập nhật 29/02/2024

*(Danh sách có 1.577 CTĐT, trong đó 1.564 CTĐT các trình độ của GDDH và 13 CTĐT trình độ CĐSP)*